

**UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN CHỈ HUY PCLB VÀ TKCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49 /PCLBTKCN
V/v xây dựng Phương án PCTT và
TKCN năm 2015 và Kế hoạch
PCTT và TKCN giai đoạn 2016 -
2020 trên địa bàn tỉnh

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố

Thực hiện nội dung Công văn số 3468/BNN-TCTL ngày 06/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương; Công văn số 47/TWPCTT ngày 19/5/2015 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai về việc định hướng xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai;

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại địa phương, Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh đề nghị Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung sau:

I. Đối với Kế hoạch Phòng chống thiên tai

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các xã, phường, thị trấn xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai tại địa bàn, tổng hợp và xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai cấp huyện, thành phố theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4509/UBND-NNTN ngày 30/9/2014 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó lưu ý các nội dung sau:

- Cấp huyện, xã xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai đảm bảo các nội dung chính theo quy định tại các khoản 2, 3, Điều 15, Luật phòng chống thiên tai.

- Kế hoạch Phòng chống thiên tai được xây dựng tại các cấp theo chu kỳ kế hoạch 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được điều chỉnh hằng năm.

II. Đối với Phương án PCTT và TKCN

Phương án PCTT và TKCN được xây dựng tại các cấp theo chu kỳ hằng năm theo quy định tại Điều 22, Luật phòng chống thiên tai, bao gồm các biện pháp cần triển khai thực hiện nhằm ứng phó với các tình huống thiên tai theo các cấp rủi ro thiên tai đã được quy định, cụ thể:

1. Nội dung chính của phương án

- Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm;
- Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;
- Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;
- Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- Dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm.

* Lưu ý: Phương án phòng chống thiên tai cấp xã cần nêu ngắn gọn các nội dung cơ bản; các thông tin, số liệu chủ yếu nên tổng hợp theo dạng bảng biểu để theo dõi, chỉ huy, chỉ đạo.

2. Các biện pháp cơ bản ứng phó với thiên tai

Trên cơ sở các loại hình thiên tai thường xuất hiện tại địa phương và cấp độ rủi ro thiên tai đã được quy định, các địa phương xây dựng cụ thể phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai.

Các biện pháp chủ yếu để triển khai công tác phòng chống các loại hình thiên tai được hướng dẫn tại Điều 26, Luật phòng chống thiên tai. Trong đó các cấp độ rủi ro cho một số loại hình thiên tai chủ yếu trên địa bàn tỉnh được phân chia như sau:

a) Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của bão	Khu vực ảnh hưởng
3	Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định).	- Các huyện bị ảnh hưởng trực tiếp: Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi; - Các huyện bị ảnh hưởng gián tiếp: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
4	- Bão mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định); - Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên biển Đông.	- Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
5	Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định).	- Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.

b) Đối với lũ, ngập lụt:

	Trà Khúc	Vệ	Trà Bồng	Trà Câu
Cấp độ 1	BĐ2 - BĐ3	BĐ2 - BĐ3	BĐ3 - BĐ3 +	BĐ3 - BĐ3 +

			1m	1m
Cấp độ 2	BĐ3 - BĐ3 + 1m	BĐ3 - BĐ3 + 1m	BĐ3 + 1m - Lũ lịch sử	BĐ3 + 1m - Lũ lịch sử
Cấp độ 3	BĐ3 + 1m - Lũ lịch sử	BĐ3 + 1m - Lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử
Cấp độ 4	Trên lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử		

* Lưu ý: Đối với các khu vực ngập lụt không có mức báo động lũ thì xây dựng phương án theo các tình huống lũ lớn, lũ đặc biệt lớn, lũ lịch sử đã từng xảy ra hoặc tình huống dự kiến có lũ, lụt lớn hơn (trên mức lũ lịch sử).

c) Phương án sơ tán dân: Trên cơ sở các phương án sơ tán dân đã được lập, các huyện, thành phố rà soát, tổng hợp thành phương án chung của địa phương. Trong đó, phương án tại cấp huyện phải chi tiết đến cấp thôn, xóm, KDC; phương án của cấp xã phải chi tiết đến cấp hộ gia đình.

(Có mẫu phụ lục kèm theo)

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh để hướng dẫn.

Yêu cầu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện, báo cáo về Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh (thông qua Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh) trước ngày 31/8/2015./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - BCD TW về PCTT;
 - UBQG TKCN;
 - UBND tỉnh;
 - Chi Cục PCTT KV MT&TN;
 - Lưu VPTT.
- (báo cáo)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm Trường Thọ



PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH DI DỜI, SƠ TÁN DÂN PHÒNG, TRÁNH LŨ, NGẬP LỤT ĐỐI VỚI KHU VỰC CÓ MỨC BẢO ĐỘNG LŨ

TT	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Người chỉ huy/ chức vụ/ SDT
	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu		
1	Xã A									Nguyễn Văn A, Trưởng thôn (09xxxxxxx)
1	Thôn A	5	15	10	30	30	75	150	300	
2	Thôn B							10	20	
3	Thôn C									Trưởng THCS

Lưu ý: Số lượng hộ/ khẩu cần sơ tán phòng, tránh lũ, ngập lụt được tính theo lũy kế, tức là: Di dời, sơ tán dân ở mức bảo động cao hơn được cộng cả số hộ/ khẩu cần sơ tán ở mức bảo động trước.
Ví dụ: Mức bảo động 3, số lượng dân cần sơ tán là 5 hộ/ 15 khẩu. Đến mức bảo động 3 + 1m thì số lượng dân cần sơ tán phải bao gồm 5 hộ/ 15 khẩu (sơ tán ở mức bảo động 3) và cộng thêm số lượng phát sinh mới (10 hộ/ 30 khẩu).

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KHU VỰC KHÔNG CÓ MỨC BẢO ĐỘNG LŨ

TT	Địa điểm	Mức ngập trung bình hàng năm		Mức ngập lịch sử		Nơi đến	Người chỉ huy/ chức vụ/ SDT
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu		
1	Xã A						
1	Thôn A						
2	Thôn B						
3	Thôn C						

Lưu ý: Khu vực không có mức bảo động lũ là khu vực dân cư không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các sông: Trà Bông, Trà Khúc, V Trà Cầu.



Phụ lục 3: KẾ HOẠCH DI DỜI, SƠ TÁN DÂN KHI CÓ BÃO ĐỔ BỘ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu		
1	Xã A								
1	Thôn A								
2	Thôn B								
3	Thôn C								

Lưu ý: Đối với trường hợp bão mạnh (cấp 12 - 15) hoặc siêu bão (cấp 16 trở lên) đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn, các địa phương cần lưu ý trong kế hoạch sơ tán dân phải tính đến việc sơ tán dân tại khu vực ven biển có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi nước dâng do bão.

Phụ lục 4: KẾ HOẠCH DI DỜI, SƠ TÁN DÂN VÙNG ẢNH HƯỞNG CÁC TRẠM THU, PHÁT SÓNG, TRẠM BTS

TT	Trạm BTS	Chiều cao (m)	Địa chỉ	Số hộ cần di dời	Số khẩu	Nơi đến	Ghi chú

Lưu ý: Kế hoạch di dời dân khỏi vùng ảnh hưởng của các trạm thu, phát sóng, trạm BTS được tính trong trường hợp dự báo bão có gió giật trên cấp 11.

Phụ lục 5: KẾ HOẠCH DI DỜI, SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ CAO BỊ SẠT LỞ ĐẤT



TT	Địa điểm	Số hộ cần sơ tán	Số khẩu cần sơ tán	Nơi đến	Người chỉ huy/ chức vụ/ SDT

Phụ lục 6: KẾ HOẠCH DI DỜI, SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ CAO BỊ LŨ QUÉT

TT	Địa điểm	Số hộ cần sơ tán	Số khẩu cần sơ tán	Nơi đến	Người chỉ huy/ chức vụ/ SDT

Lưu ý:
 Lũ quét chủ yếu xảy ra ở thượng nguồn các sông nhánh, lưu vực nhỏ, có độ dốc lớn, mặt đệm bị hủy hoại nặng.